

Số: 842/CV-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Mai Thị Bích Phượng, Khoa Dược, Điện thoại: 0912.605.695
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đồng thời gửi bản mềm có đầy đủ chữ ký, đóng dấu công ty qua địa chỉ e-mail: tiếpnhanbgbvdkt Thanh Hoa@gmail.com

Tiêu đề Email: CV 842_2025 - Báo giá TBYT - Tên Công ty

(Lưu ý: Các đơn vị gửi báo giá theo mẫu ở phụ lục 2 đính kèm. Báo giá gửi qua e-mail cùng với tài liệu kỹ thuật chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, file mềm Excel báo giá)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h ngày 12 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 22 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế:

(Chi tiết danh mục tại phụ lục 1 đính kèm)

Lưu ý:

Bất kỳ tên thương mại, thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong yêu cầu báo giá để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu; nhà thầu có thể lựa chọn báo giá hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” với yêu cầu báo giá.

2. Địa điểm cung cấp: Kho Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày kể từ khi nhận được thông báo dự trù.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; KD; TCKT.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Sỹ



PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Kèm công văn số 842/BVĐKT-KD ngày 12 tháng 3 năm 2025)

TÊN NHÀ CUNG CẤP.....
Địa chỉ.....
Điện thoại liên hệ.....
Email.....

BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế:

STT	Mã HS	Mã TT 04/2017	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT yêu cầu báo giá	Tên thương mại hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Mã hiệu hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đường link kết quả trúng thầu (tại trang https://muasamcong.mpi.gov.vn trong vòng 12 tháng)
1														
2														
						Tổng cộng								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo công văn số 842/CV-BVĐKT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)



STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
1	25BV-VT-G4-1	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE. chứa chất hoạt động bề mặt, chất chống tạo bọt và nước khử ion. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 28 ngày, ngâm khử khuẩn trực tiếp không cần hoạt hóa. Tương thích với các vật liệu thông thường của thiết bị y tế bao gồm nội soi và máy rửa tự động và với các kim loại, nhựa, chất đàn hồi, gốm sứ và chất kết dính (keo dính) thông thường (kể cả Polystyrene), các chất tẩy rửa có độ pH nhẹ, ít tạo bọt và dễ rửa sạch khỏi thiết bị, có que thử	ml	500.000
2	25BV-VT-G4-2	Viên sát khuẩn	Viên sủi khử khuẩn chứa 2,5g Troclosense Sodium 50%, Adipic acid 1,2g/viên (tương đương 24%). Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH Acid 6.2. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. Tối thiểu 5g/ viên	Viên	10.000
		3.1 Bơm tiêm			
3	25BV-VT-G4-3	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần 20ml	Bơm tiêm 20ml kèm kim các cỡ Làm từ nhựa PP phẩm cấp y tế, không DEHP, không độc, không gây sốt, không latex. Vạch chia dung tích in rõ nét. Kim tiêm: làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn. Đốc kim có màu phân biệt cỡ kim.	Cái	200.000
4	25BV-VT-G4-4	Ống bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	- Chất liệu Polyurethane, bền, chắc, chịu được áp lực cao. - Ống bơm với mục đích đựng thuốc cân quang để lắp vào máy CT; MRI; DSA	Bộ	800
5	25BV-VT-G4-5	Bộ xilanh 60ml dùng cho máy bơm cân quang	2 xilanh 60ml, 1 ống nối áp lực cao dài 250cm dùng trong MRI, 2 đầu lấy thuốc	Bộ	300
		3.2 Kim tiêm			
6	25BV-VT-G4-6	Kim tiêm	- Kim cấu tạo từ thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, có nắp đậy bảo vệ. Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không chứa độc tố DEHP.	Cái	150.000
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			



STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	25BV-VT-G4-7	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng bơm thuốc	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa bơm thuốc. Kim làm bằng thép không gỉ	Cái	20.000
8	25BV-VT-G4-8	Bộ kim chọc tạo đường thông cửa chủ trong gan qua đường tĩnh mạch cánh,	"Đầu kim chọc có đặc tính giúp quan sát trên nhiều phương thức hình ảnh khác nhau. Có vị trí đánh dấu trên ống thông mang que chọc. Kim chọc bằng Nitinol. Cỡ kim chọc: 17Ga hoặc 0.040"". Bộ kim chọc bao gồm: - Ống chứa cứng - Ống thông dẫn đường - Kim chọc - Ống thông chứa kim chọc - Ống thông đầu kiểu MPA "	cái	5
9	25BV-VT-G4-9	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	- Kim có nhiều kích thước và độ dài và đầu phát nhiệt khác nhau - Đường kính kim: ít nhất 3 kích thước 18G, 17G, và 15G - Chiều dài từ 100-350mm - Đầu phát nhiệt điều chỉnh được từ 5-30mm và từ 15-40mm, có thể thay đổi độ dài trên cùng một kim bằng nút gạt tay	Cái	50
10	25BV-VT-G4-10	Bộ dụng cụ đốt nhiệt bằng công nghệ vi sóng	Bộ kim đốt gồm có 3 bộ phận kết hợp: Kim đốt nhiệt + dây dẫn nước tuần hoàn + cáp kết nối kim với hệ thống phát sóng Kim đốt nhiệt sử dụng công nghệ vi sóng MWA. Bước sóng điều trị: Tần số 2450 ± 20 MHz. Quang phổ vi sóng: 300MHz-300MHz. Đường kính kim 16G, 17G, Tip 3;3,5;5 mm, chiều dài kim đốt 100mm. Nhiệt độ thân kim khi đốt ≤ 37 độ C. Phần tay cầm có 2 loại: Tay cầm loại thẳng hoặc tay cầm chữ L. Có 2 đầu dây khớp với hệ thống máy bơm nước tuần hoàn. Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa y tế, thân kim đốt làm bằng titan có phủ lớp chống dính.	Bộ	200
		3.5 Dây truyền, dây dẫn			
11	25BV-VT-G4-11	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500 mm. Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay	Bộ	240.000
12	25BV-VT-G4-12	Dây truyền máu	Dây truyền máu có cổng kết nối vặn xoắn Luer Lock. Có chức năng đũa khí tự động. Màng lọc tiểu phân $200\mu m$, diện tích màng lọc $11cm^2$, dây	Bộ	8.000

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			dài $\geq 180\text{cm}$. Chịu áp suất tối đa 400mmHg. Không chứa DEHP		
13	25BV-VT-G4-13	Bộ khóa ba ngã để điều hướng dịch chuyên có dây nối	- Làm bằng nhựa chất lượng cao dùng trong y tế PC, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước. - Chịu được áp lực tối thiểu 5 bar(72psi). - Khóa luer ở đầu khóa - Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch, dịch béo hay các loại thuốc. - Dây nối dài 10cm - 30cm	Cái	7.500
		3.6 Găng tay			
14	25BV-VT-G4-14	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Găng tay khám bệnh size XS,S,M,L.Có bột, không tiết trùng; Chất liệu cao su tự nhiên	Đôi	600.000
15	25BV-VT-G4-15	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số	Thành phần latex cao su có hàm lượng Protein thấp.. Có các số từ 6 đến 8.5.. Cỡ số (rộng; dài tối thiểu): Cỡ 6 ($\leq 82\text{mm}$; 275mm); Cỡ 6,5 ($83 \pm 5\text{mm}$; 275mm); Cỡ 7 ($89 \pm 5\text{mm}$; 282mm); Cỡ 7,5 ($95 \pm 5\text{mm}$; 282 mm); Cỡ 8 ($102 \pm 6\text{mm}$; 282mm); Cỡ 8,5 ($108 \pm 6\text{mm}$; 282mm) - Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa: $\geq 12,5\text{N}$ - Lực kéo đứt tối thiểu sau khi già hóa: $\geq 9,5\text{N}$ - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa: $\geq 700\%$ - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa: $\geq 550\%$ - Độ bền kéo tối thiểu trước khi già hóa: 24 MPa - Độ bền kéo tối thiểu sau khi già hóa: 18 MPa	Đôi	80.000
		3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
16	25BV-VT-G4-16	Túi tiết trùng dạng cuộn dẹt kích thước 200mm*200m	- 3 đường hàn nhiệt - Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film - Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiết trùng - Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 μm - Kích thước: 200mm*200m	Cuộn	100
17	25BV-VT-G4-17	Túi tiết trùng dạng cuộn dẹt kích thước 300mm*200m	- 3 đường hàn nhiệt - Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film - Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiết trùng - Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 μm - Kích thước: 300mm*200m	Cuộn	100
18	25BV-VT-G4-18	Túi máu ba 250ml, loại đỉnh - đỉnh có dung dịch bảo quản CPDA-2	- Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu	Túi	35.000

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			- Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. - Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. - Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm - Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 1.100mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 12 đoạn mã số. - Hệ thống gồm 3 túi: a. Túi 1: Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần. + Dung tích: 250ml + Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 4 đoạn mã số b. Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu + Dung tích: 250ml + Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Túi chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu + Dung tích: 250ml + Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 4 đoạn mã số + Dung dịch bảo quản hồng cầu giúp bảo quản khối hồng cầu đến tối thiểu 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$		
19	25BV-VT-G4-19	Túi máu ba 350ml, loại đỉnh - đỉnh	- Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu - Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. - Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. - Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm - Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 1.100mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 12 đoạn mã số - Hệ thống gồm 3 túi: a. Túi 1: Túi chứa 49ml dung dịch chống đông, dùng để thu thập máu toàn phần. + Dung tích: 350ml + Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường ống có 4 đoạn mã số b. Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu	Túi	25.000

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			+ Dung tích: 350ml + Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường dây có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Túi chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu + Dung tích: 350ml + Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm ($\pm 10\%$), trên đường dây có 4 đoạn mã số + Dung dịch bảo quản hồng cầu giúp bảo quản khối hồng cầu đến tối thiểu 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$		
20	25BV-VT-G4-20	Ống đựng máu	Cấu tạo bằng nhựa PET, nắp an toàn, kích cỡ 13 x 75mm. Thành phần 0,8mg/ml Clot activator (silicon dioxide), có vạch định sẵn 3ml	Cái	5.000
21	25BV-VT-G4-21	Ống nghiệm lấy máu chân không K3 EDTA	Ống nghiệm nhựa Polyethylene Terephthalate. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích 2ml, 6ml - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Tripotassium (EDTA K3) - Nắp đậy ống nghiệm: nắp cao su bọc nhựa, nắp xoắn vặn.	Ống	96.000
		4.2 Ống dẫn lưu, ống hút			
22	25BV-VT-G4-22	Ống hút dịch phẫu thuật	Đầu hút bằng nhựa cứng, trong suốt, thiết kế công thái học, giúp dễ dàng đưa vào vị trí cần hút dịch	cái	2.000
23	25BV-VT-G4-23	Dây hút dịch phẫu thuật	Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất Kích cỡ: Có tối thiểu các đường kính 6 ly; 8 ly; 10 ly.	cái	7.000
24	25BV-VT-G4-24	Bộ dẫn lưu qua da	- Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr; - Làm bằng chất liệu polyurethane - Phần xoắn dạng đuôi lợn với lỗ thông lớn - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt - Trọn bộ bao gồm: dao nhọn hình tam giác, và dụng cụ làm cứng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khoá – locking	Cái	200
25	25BV-VT-G4-25	Catherter dẫn lưu đa mục đích và thận	1. Nguyên liệu: Polyurethane chống xoắn, non latex, có phủ lớp ái nước slip-coat. 2. Sử dụng kỹ thuật đâm trực tiếp, có vạch cân quang, lòng ống thông lớn, có ít nhất 4 lỗ thoát 1 bên với kích thước lớn ($>2\text{mm}$), có khoá đuôi heo cấu hình thấp dễ dàng khoá với khoá cố định Snap-off, 1 ống giúp làm thẳng đuôi heo có thể tháo rời, 1 ống thông chất liệu kim loại 5-10cm, 1 ống thông cứng linh hoạt 5-10cm, 1 dụng cụ định hình trocar	Cái	100

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			Choice Lock cho phép tiếp cận bằng 1 tay vào vị trí cần dẫn lưu, đầu ống thông được vát tròn giúp chèn dễ dàng 3. Tối thiểu 7 kích cỡ từ 6F đến 16F dài 15cm đến 60cm tương thích với dây dẫn 0.038"		
26	25BV-VT-G4-26	Ống thông dẫn lưu đường mật qua da có khóa	1. Nguyên liệu: Polyurethane chống xoắn, non latex, có phủ lớp ái nước slip-coat. 2. Sử dụng kỹ thuật đâm trực tiếp Seldinger, có vạch cân quang, lòng ống thông lớn, có từ 7-9 lỗ thoát 1 bên với kích thước lớn (>2mm), có khoá đuôi heo cấu hình thấp dễ dàng khoá với khoá cố định Snap-off, 1 ống giúp làm thẳng đuôi heo có thể tháo rời, 1 ống cứng linh hoạt 5-10cm, đầu ống thông được vát tròn giúp chèn dễ dàng 3. Kích cỡ: 8F đến 12F dài 40cm, tương thích với dây dẫn 0.038"	Cái	100
		4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối			
27	25BV-VT-G4-27	Bộ dây thở dùng cho máy thở	Dây thở máy thở dùng 1 lần, 5 nhánh 2 bẫy nước - Chất liệu: Polypropylen - Cấu tạo gồm: + 1 co nối chữ L cổng Luer Lock cỡ 15M 22M/15F + 1 co nối chữ Y cỡ 22M-22M-22M/15F + 5 đoạn dây co giãn dài ≥80cm, cỡ 22F-22F + 2 bẫy nước cỡ 22M-22M + 8 co nối thẳng cỡ 22M-22F + 2 co nối thẳng cỡ 22M-22M/15F	Bộ	800
28	25BV-VT-G4-28	Sâu máy thở	- Chất liệu bằng nhựa PVC - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Đường kính đầu nối trên: Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm - Đường kính đầu nối dưới 15mm - Cổng lấy khí có nắp đậy cố định.	Cái	3.000
		4.4 Catheter			
29	25BV-VT-G4-29	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	1. Sản phẩm được làm bằng chất liệu PU tương thích sinh học 2. Thiết kế thanh trượt dễ dàng sử dụng với đầu dạng chữ J, không độc, không chất cao su 3. Kim Y dẫn đường 4. Nút đậy an toàn có van 1 chiều 5. Cân quang Kích thước 7Fr x 20cm. Que nòng 8F x 10cm. Dây dẫn hướng 60cm	Bộ	700

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	25BV-VT-G4-30	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Vật liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước. Vùng linh hoạt 4cm. Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài tối thiểu từ 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F/8F.	Cái	50
31	25BV-VT-G4-31	Catheter tạo nhịp hệ thống dẫn truyền	- Được tích hợp van cầm máu và phần đầu tip có khả năng cản quang - Đường kính trong 7F, đường kính ngoài 9F - Chiều dài làm việc: 42 cm. Dùng cùng với dây điện cực 6F, chiều dài tối thiểu 58 cm. - Phụ kiện bao gồm: catheter, que nong, 1 dây dẫn 0.035", 1 dao rạch	cái	5
32	25BV-VT-G4-32	Ống thông chuyên dụng dùng trong can thiệp mạch và mạch ngoại biên	Kích cỡ 10F. Đường kính trong >3.3mm. Chiều dài làm việc: >41cm. Đầu thẳng	cái	5
		5.2 Chỉ khâu			
33	25BV-VT-G4-33	Chỉ tơ phẫu thuật	Chất liệu sợi tơ tằm	Cuộn	1.000
34	25BV-VT-G4-34	Chỉ Nylon 1/0	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon. Chỉ dài 75cm, kim tam giác, kim được làm bằng thép không gỉ, phủ silicon, cong 3/8. Chỉ số 1/0 vòng kim 40mm	Sợi	5.000
35	25BV-VT-G4-35	Chỉ tiêu tự nhiên số 1, không kim	Chỉ tiêu tự nhiên liên kim 1/0, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, chiều dài của chỉ 75cm, kim tròn 1/2. Kim dài 26mm giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 2 ngày.	Tép	250
		6.1 Van nhân tạo, mạch máu nhân tạo			
36	25BV-VT-G4-36	Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được nở bằng bóng	Van động mạch chủ sinh học thay qua da/ ống thông và trợ cụ - Khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò và lớp áo bên ngoài chất liệu polyetylen terephthalate (PET), nong bằng bóng - Đường kính van tối thiểu 4 kích thước từ 20 đến 29 mm. - Chiều cao van sau khi bung: 15.5 đến 22.5mm - Thể tích bóng nong: 11 đến 33ml - Sheath tương thích: 14 - 16Fr * Áp suất bóng: 4 atm (Danh định) - 6 atm (Tối hạn) - Kèm bộ nạp van và hệ thống chỉ huy chuyển van	bộ	1
37	25BV-VT-G4-37	Bộ dụng cụ thay van động mạch chủ qua đường ống thông, loại tự bung	- Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bao gồm: 01 bộ nạp van, 01 hệ thống catheter chuyển van, 01 van động mạch chủ tự bung. - Các lá van chất liệu làm từ màng tim bò hoặc tương đương. - Khung stent van động mạch chủ được làm bằng chất liệu Nitinol tự nở hoặc tương đương, có khả năng thu hồi và điều chỉnh vị trí khi thả.	Bộ	2

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			- Hệ thống chuyển van tương thích tối thiểu với các Sheath 14F và 15F. - Khung mắt cáo hoặc tương đương hỗ trợ tiếp cận động mạch vành $\geq 15F$ - Đường kính vòng van tối thiểu $\leq 22mm$, tối đa $\geq 30mm$. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tốt hơn.		
		6.2 Giá đỡ (stent)			
38	25BV-VT-G4-38	Stent đường mật đường mật, loại không phủ, bán phủ và phủ toàn phần.	Stent đường mật bằng Nitinol, lõi bạch kim, mắt đóng, dạng bện. Tương thích catheter 8-8.5F, dây dẫn đường 0.035". Hai đầu stent có thiết kế gồm nhiều vòng nhỏ và loe Tích hợp phần để kéo stent – loại bán phủ hoặc phủ toàn phần Cấu trúc ô đóng và phủ permalume Tăng độ cản quang toàn stent Thiết kế bện dây platinol Có thể thu gọn đến 80% so với khi bung Cơ chế đưa stent đồng trục Chiều dài hữu dụng (working) của catheter 75cm và tương thích introducer 9F Catheter có 4 điểm cản quang Stent có đường kính 8-10mm loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F	Cái	10
		6.4 Xương, sụn, khớp, gân nhân tạo			
39	25BV-VT-G4-39	Bộ khớp háng bán phần – không xi măng	- Chuôi: Loại tiêu chuẩn, dạng kim tự tháp, không xi măng. Chuôi chống xoay có các rãnh nén xương, chất liệu hợp kim Ti6Al4V và được phủ một lớp plasma titan nguyên chất (Ti-VPS) có độ nhám cao ngoài cùng lớp canxi photphat (CaP). Góc cổ chuôi 135°. Chiều dài cổ chuôi 33.2 mm. chuôi dài 125.5 mm đến 159.5 mm - Chỏm xương đùi: chất liệu hợp kim thép (hợp kim Cr-Ni). Dừng đầu xương đùi cỡ 22mm và 28mm. - Đầu xương đùi : Loại 22mm và 28mm. Chất liệu Metal CoCrMo (hợp kim Cobalt – Chromium - molybdenum).	Bộ	50
40	25BV-VT-G4-40	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài di động kép phủ Hydro Apatide.	* Cuống chỏm xương đùi: chất liệu Titanium alloy, phủ Hydro Apatide toàn bộ chuôi. Trên thân mỗi chuôi có 2 lỗ để bắt vít chốt đầu xa dùng để neo và căng lại vùng đốt chuyển. Tối thiểu 8 cỡ, dài từ 175 đến 250mm. * Chỏm xương đùi:	Bộ	50

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			- Vật liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Đk 28mm * Vỏ đầu chỏm làm bằng thép không gỉ Stainless Steel AISI 316 LVM, kích thước từ 39mm đến 55mm. Mỗi nhịp tăng tối đa 1mm. * Lót đầu chỏm làm bằng polyetylen cao phân tử (P.E. UHMWPE). 4 cỡ, tất cả dùng với chỏm đường kính 28mm		
41	25BV-VT-G4-41	Khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng, góc cổ 130°	1. Chỏm bán phần: Có mặt ngoài bằng Cobalt Chrome; lớp lót PE có vòng khóa trong. Đường kính ngoài tối thiểu từ 38mm đến 56mm, đường kính trong tối thiểu từ 22mm đến 28mm. 2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu Cobalt Chrome; kích thước tối thiểu từ 22.2mm đến 28mm với taper 12/14 3. Chuỗi dài không xi măng: bằng vật liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130°, taper 12/14, Có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm ± 5mm và dạng cong có chiều dài 230mm ± 5mm tương ứng cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm-18mm) với mỗi bên trái, phải.	Bộ	50
42	25BV-VT-G4-42	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Chuỗi khớp: Vật liệu Titanium, phủ nhám đầu gần. Kích cỡ chuỗi: có tối thiểu 10 cỡ, bước tăng 1,25mm đến 2,5mm. Chiều dài chuỗi tối thiểu từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuỗi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm; Chiều dài thân cổ 34,2mm, phía dưới có hốc tháo chuỗi. 2. Chỏm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu có tối thiểu ø28 mm; 3. Đầu chỏm bán phần: vật liệu kim loại kích cỡ tối thiểu từ 39mm đến 60 mm, bước tăng tối đa 1mm; 4. Lót đầu chỏm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có tối thiểu 4 cỡ tương ứng.	Bộ	70
		7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp			
43	25BV-VT-G4-43	Bộ phụ kiện dùng cho điện cực tạo nhịp HIS/ Bó nhánh trái	Bộ ống thông với phụ kiện, đưa dây dẫn vào vị trí HIS/ Bó nhánh trái với nhiều đường cong, chiều dài thích hợp. Các ống thông có lớp trơn ái thủy (hydrophilic) bên trong ống thông để giúp đưa dây dẫn. Guide Wire đường kính 0.035 mm dẫn đường giúp xác định vị trí phù hợp để lái điện cực .	Bộ	10
44	25BV-VT-G4-44	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel với liều lượng thuốc phủ 3,5 µg/mm ² . Bóng có 5 nếp gấp; áp lực thường 8atm, áp lực vỡ bóng 14atm.	Cái	20

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			Đường kính tối thiểu 2.0 mm, đường kính tối đa 4.0 mm. Chiều dài bóng: bao gồm tối thiểu các loại 10, 15, 20, 25, 30(mm)		
45	25BV-VT-G4-45	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	- Bóng nong động mạch vành có tẩm thuốc Paclitaxel $\geq 3 \mu\text{g/mm}^2$ - Chiều dài catheter $\geq 140\text{cm}$ - Thân gần $\leq 1.9\text{F}$, thân xa $\leq 2.6\text{F}$. Khẩu kính thâm nhập: 0.016" - Chiều dài tối thiểu $\leq 15\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$; Đường kính tối thiểu ≤ 2.00 , tối đa $\geq 4.00\text{mm}$; - Áp lực thường: $\geq 6 \text{ atm}$ - Áp suất nổ bóng: $\geq 22 \text{ atm}$	cái	5
46	25BV-VT-G4-46	Bóng nong đường mật, động mạch ngoại biên	1. Chất liệu Advanced PET 2. Có marker vàng chắn bức xạ 4. Khi bơm bóng 2 đầu bóng nở trước, thân bóng eo nở sau. 5. Thu bóng lại nhanh, không làm chùn lại bề mặt bóng. 6. Tối thiểu 10 kích thước chiều dài bóng từ 20 đến 60 mm 7. Tối thiểu 10 kích thước đường kính bóng từ 12.0 đến 30.0mm	Cái	3
47	25BV-VT-G4-47	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước hydrophilic. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm - Có tối thiểu 3 kích thước đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"	Cái	500
48	25BV-VT-G4-48	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J. Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính tối thiểu 3 kích thước từ: 0.025" đến 0.038"	Cái	500

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	25BV-VT-G4-49	Vật liệu nút mạch tạm thời	Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin - Có kích thước hạt: 50-4000µm. - Khả năng dung nạp mạnh với dầu ethiodized - Giúp thúc đẩy sự hình thành huyết khối bằng cơ chế ngăn chặn hoặc làm chậm dòng máu. - Thể tích $\geq 20\text{ml}$, chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch, dạng ống tiêm vô trùng sẵn sàng sử dụng.	Lọ	20
50	25BV-VT-G4-50	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan các loại, các cỡ	Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Thành phần: Hydrogel (hoặc tương đương) - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất PVA (Polyvinylalcohol), kích thước các cỡ: 70-150 µm, 100-300 µm, 300-500µm, 500-700µm. - Thời gian tải thuốc trong khoảng 30-90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo tải $\geq 98\%$ lượng thuốc tương ứng. - Hạt sau khi tải doxorubicin bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cản quang.	Lọ	220
		7.2 Lọc máu, lọc màng bụng			
51	25BV-VT-G4-51	Bộ quả lọc máu liên tục kèm dây	Bộ quả lọc máu liên tục kèm dây máu: Trọng lượng: 800g Kích thước: 27 x 22 x 9 cm Lượng máu trong bộ lọc $\pm 10\%$: 152 ml Trọng lượng bệnh nhân tối thiểu: 30kg * Chất liệu: - Sợi lọc: Acrylonitrile và Sodium Methallyl Sulfonate Copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate (PC) - Vách đầu quả lọc: Polyurethane (PU) * Diện tích màng hiệu dụng: 0,9 m ² Đường kính trong của sợi lọc khi ướt: 240 µm Độ dày thành sợi lọc: 50 µm * Thể tích máu mỗi: 66ml * TMP tối đa (mmHg/kPa): 450/60 Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66.6 Tốc độ máu tối thiểu: 75ml/ phút	Bộ	200
52	25BV-VT-G4-52	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Thể tích chất hấp phụ: 130mL Thể tích máu: 114mL Vật liệu hấp phụ (các hạt resin): Chất đồng trùng hợp Styrendivinyll Benzen liên kết ngang kép, có tính tương thích sinh học cao, không có	Quả	1.000

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			độc tính tế bào. Lưu lượng máu tối đa: 250mL/phút Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N Dải hấp phụ: 5~30kDa. Năng lực hấp phụ sau 2h trên invivo: PTH: 53.4%; MG: 44.7%; Creatinine: 85%; protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%.		
		7.5 Tiết niệu			
53	25BV-VT-G4-53	Sợi laser phẫu thuật U xơ tuyến tiền liệt	- Đầu sợi cong. - Độ dài sợi quang: 3 m - Đường kính lõi sợi quang: 1,8 Fr - Đường kính AD: 3100/9.3 (µm)/(Fr)	Sợi	20
54	25BV-VT-G4-54	Sợi laser phẫu thuật U xơ tuyến tiền liệt	- Đầu sợi laser bằng thủy tinh, cong. - Bóng khí tập trung ở đầu sợi - Có thể chẩn đoán mô học trong khi cắt mô - Độ dài sợi quang: 3m - Đường kính lõi sợi quang: 1,8 Fr	Sợi	20
		7.6 Chấn thương, chỉnh hình			
55	25BV-VT-G4-55	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng bao gồm: * 01 dao chích da vô trùng thì đầu số 11 * 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát chất liệu thép AISI 304 và nhựa ABS, thân kim chia vạch, cỡ 11G (3mm), dài 150mm, có cơ chế khóa và tay cầm. Độ dài đầu vát 2.35 mm * 01 bộ bơm áp lực đẩy xi măng dạng pittong xoắn, dung tích 10cc * 01 gói Xi măng sinh học cột sống độ nhớt thấp đựng sẵn trong bộ trộn: - Bao gồm 20g bột - Thể tích xi măng sau khi trộn là 22,6 cc. - Thời gian trộn 60 giây, thời gian đợi 5 phút và thời gian làm việc của xi măng khoảng 10 phút	Bộ	50
56	25BV-VT-G4-56	Bộ bơm xi măng cột sống 2 bóng, vào cuống trực tiếp	+ Bóng nong thân đốt sống các size tùy chọn từ 10mm đến 20mm, dài 20cm, có 2 van riêng biệt, dùng tương thích với cả hai loại bơm áp lực dạng cơ và dạng kỹ thuật số. Áp suất tối đa của bóng chịu được 400psi (27 bar). - Thể tích tối đa khi bơm phòng gồm 1.8ml đến 5.5ml, đường kính tương ứng từ 14.5mm đến 15.6mm, chiều dài tương ứng từ 11.2mm đến 21.4mm. Khả năng tạo khoang trong thân đốt sống từ 15 đến 25mm kèm	Bộ	20

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			02 Bơm áp lực cho bóng nong thể tích bơm 25ml. - Kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống cho bóng nong loại 11G (đường kính ngoài 3.5mm), chiều dài 15cm - Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính 2.9mm, chiều dài 20cm, dung tích 1.5ml. - Kim chọc tạo đường hầm vào thân đốt sống đường kính 3.0mm, chiều dài 20cm - Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Chất liệu khoang chứa xi măng là Polypropylene, phần thân trong chất liệu là Polycarbonate, phần thân ngoài chất liệu là Ethylene- Vinyl Acetate, phần trụ xoay chất liệu thép 304, nút bấm chất liệu là nhựa. Bộ trộn đi kèm gồm: 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc đóng tiết trùng, 01 tấm trải dụng cụ tiết trùng. - Hộp xi măng gồm: 01 gói xi măng có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g		
57	25BV-VT-G4-57	Bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao	- Bơm áp lực cao dạng súng, dung tích 15ml, ống bơm xi măng có đầu kết nối bằng thép không gỉ, Bộ trộn xi măng loại tay quay dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml - Kim chọc dò cán nhựa chữ T, đường kính các loại 11G chiều dài 10cm đến 15cm. Trên thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng. Kim là loại đầu vát - Gói Xi măng sinh học có độ nhớt thấp, khối lượng xi măng 20g kèm 10ml dung dịch pha	Bộ	50
58	25BV-VT-G4-58	Bộ bơm xi măng có bóng (dùng tạo hình thân đốt sống)	Hệ thống bơm xi măng một bóng dùng trong tạo hình thân đốt sống - Vật liệu: Hợp kim y tế. + 1 Bộ ống thông dẫn đường, kích thước: 4.2 x 120mm (±5%) + 1 Kim vát dẫn đường cuống cung, kích thước: 3.0 x 120mm (±5%) + 1 Cây dẫn đường cuống cung đầu tù. + 1 Cây dẫn đường cuống cung đầu nhọn. + 1 Kim khoan tạo rãnh vào thân sống, kích thước: 3.5 x 120mm (±5%) + 1 Kim sinh thiết, kích thước: 3.4 x 120mm (±5%) + 2 Kim đẩy xi măng vào thân sống, kích thước: 3.4 x 120mm (±5%) + 1 Bóng nong dùng trong tạo hình thân đốt sống, kích thước: từ 15-120mm. Bóng chịu lực tối đa 300psi, có 2 điểm cảm quang. Quả bóng phục hồi hình thái học đốt sống nguyên vẹn và tạo một khoang để bơm xi măng chất lỏng từ thiết bị điều áp sau khi chèn ở thân đốt sống bị tổn	Bộ	20

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			thương. Có thanh đánh dấu. + 1 Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo, hiển thị áp lực. + Xi măng PMMA (polymetyl metaacrylat) gồm: 1 gói bột xi măng 21g + 1 lọ dung tích 10ml chứa dung môi 9,2g.		
59	25BV-VT-G4-59	Bộ bơm xi măng không bóng tạo hình thân đốt sống	Bộ bơm xi măng không bóng dùng trong tạo hình thân đốt sống - Vật liệu: Hợp kim y tế. - 2 Kim chọc dò cán nhựa chữ T, gồm 2 kích cỡ 11G và 13G. + Đường kính: 3.0mm ($\pm 5\%$) + Chiều dài: 120mm ($\pm 5\%$) + Trên thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng, có lõi đẩy xi măng vào thân sống có ngàm khóa tránh trào ngược xi măng. - Bộ bơm áp lực dùng phân phối xi măng được liên kết với đầu khóa của kim chọc dò. + Xi măng PMMA (polymetyl metaacrylat) gồm: 1 gói bột xi măng 21g + 1 lọ dung tích 10ml chứa dung môi 9,2g.	Bộ	50
60	25BV-VT-G4-60	Bộ bơm xi măng loại 1 bóng	Một bộ gồm: - 2 Kim chọc dò cán chữ T, 11G Mũi vát 1 bên: Bao gồm kim mũi vát, cán chữ T và nòng (trocar) vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài 115-153mm. - 2 Ống dẫn hướng trong và 2 Ống dẫn hướng ngoài làm từ vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài 136-157mm. 2 Thanh định vị (chốt dây) dạng tròn bằng thép không gỉ, chiều dài 270mm. - 2 Mũi khoan dạng vát đầu bằng thép không gỉ, chiều dài 209-236mm. - 1 Bơm áp lực có đồng hồ đo áp suất dạng Xi lanh có đồng hồ cơ thể hiện áp lực, có tay cầm và đòn bẩy. Hiển thị áp suất tối đa đo được là 350psi. - 1 Bóng nong thân đốt sống các cỡ bóng chịu lực tối đa 300psi, có hai điểm cản quang. Kích thước đường kính tối đa 14 đến 19mm, tương đương với thể tích tối đa 3 đến 7cc. - 6 Thanh đẩy Xi - măng vào thân đốt sống các cỡ. Vật liệu nhựa và thép không gỉ, chiều dài 223-258mm. - 1 Bộ trộn đẩy xi măng: Gồm 06 phần: 1-bơm xi măng hình trụ, trên thân có khóa điều chỉnh áp lực, dung tích 30ml; 2-phễu; 3-nắp khóa; 4-thanh trộn xi măng 1 đầu có hình dạng lò xo; 5-dây nối giảm áp, 6- thanh đẩy xi măng giúp đẩy nốt phần xi măng nằm trong dây nối. - Xi măng xương kèm dung dịch pha: Đóng gói bao gồm: 20g bột và 8.5g dung dịch pha.	Bộ	20

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	25BV-VT-G4-61	Thanh nâng ngực các cỡ	Chất liệu titan, đầu thanh được bo tròn, 2 cạnh có khía răng cưa tối thiểu 15 kích thước khác nhau từ 7 inch đến 14 inch	Cái	20
62	25BV-VT-G4-62	BỘ NỆP, VÍT CỘT SỐNG CỔ LỎI TRƯỚC		bộ	
63	25BV-VT-G4-62.1	Nẹp cột sống cổ trước 1 tầng 4 lỗ, các cỡ	Nẹp cột sống cổ lõi trước có khóa - Chất liệu: Hợp kim Titanium. - Chiều dài: tối thiểu các kích thước từ 21mm đến 35mm, mỗi bước tăng 2mm - 2.5 mm. - Chiều dày nẹp tối đa (A-P): 2mm. - Nẹp 1 tầng có 4 lỗ bắt vít.	Cái	15
64	25BV-VT-G4-62.2	Nẹp cột sống cổ trước 2 tầng 6 lỗ, các cỡ	Nẹp cột sống cổ lõi trước có khóa - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Chiều dài: Tối thiểu các kích thước từ 35mm đến 50mm, mỗi bước tăng tối đa 2.5 mm. - Chiều dày nẹp tối đa (A-P): 2mm. - Nẹp 2 tầng có 6 lỗ bắt vít. - Trên thân nẹp có mũ khóa tự động để khóa vít.	Cái	10
65	25BV-VT-G4-62.3	Nẹp cột sống cổ trước 3 tầng 8 lỗ, các cỡ	Nẹp cột sống cổ lõi trước có khóa - Chất liệu: Hợp kim Titanium. - Chiều dài: Tối thiểu các kích thước từ 50mm đến 72.5 mm, mỗi bước tăng tối đa 2.5 mm. - Chiều dày nẹp tối đa (A-P): 2mm. - Nẹp 3 tầng có 8 lỗ bắt vít. - Trên thân nẹp có mũ khóa tự động để khóa vít.	Cái	3
66	25BV-VT-G4-62.4	Vít cột sống cổ trước	Vít cột sống cổ lõi trước - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Tối thiểu 2 đường kính: 4.0 mm và 4.5 mm - Chiều dài: 11mm - 21mm bước tăng tối đa 1mm.	Cái	120
67	25BV-VT-G4-62.5	Đĩa đệm cột sống cổ	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ - Chất liệu: Peek - Chiều cao: 5mm - 12mm, mỗi bước tăng 1mm. - Chiều dài: 12mm và 14mm. - Chiều rộng: 13mm và 15mm. - Độ uốn: 5°. - Có 3 điểm đánh dấu bằng Tantalum - Khoảng đĩa đệm lớn cho phép sự hợp nhất diễn ra thông qua cấy ghép.	Cái	30

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			- Răng sắc nhọn 2 bên		
68	25BV-VT-G4-62.6	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ kèm 2 vít khóa	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ kèm 2 vít khóa * Đĩa đệm cột sống cổ: Thân có 2 lỗ bắt vít với góc nghiêng 35 độ, với 2 điểm khóa cài cho vít. - Chất liệu: Peek - Chiều cao: Tối thiểu các kích thước từ 5mm đến 12mm, mỗi bước tăng tối đa 1mm. - Chiều dài: Tối thiểu các kích thước từ 12mm đến 14mm. - Chiều rộng: Tối thiểu các kích thước từ 13mm đến 15mm. - Hệ thống răng ngược. * Vít tự khoan. - Vật liệu: hợp kim Titanium. - Chiều dài: Tối thiểu các kích thước từ 12mm đến 18mm.	Cái	20
69	25BV-VT-G4-63	Bộ nội soi cắt lọc		Bộ	
70	25BV-VT-G4-63.1	Lưới cắt đốt cao tần	Lưới cắt đốt cao tần trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra. Độ gấp góc 30 đến 91.	Cái	20
71	25BV-VT-G4-63.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	20
72	25BV-VT-G4-63.3	Lưới bào khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5 đến 5.5 mm. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng lòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước.	Cái	20
73	25BV-VT-G4-64	Bộ vật tư làm sạch ổ khớp		Bộ	
74	25BV-VT-G4-64.1	Lưới bào khớp	Vật liệu: Đầu lưới bào bằng hợp kim không gỉ Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai. Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm ($\pm 5\%$).	Cái	30
75	25BV-VT-G4-64.2	Đầu đốt	Vật liệu: Thân đầu đốt, điện cực được làm bằng thép không gỉ, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic hoặc tương đương Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực	Cái	30

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			Đầu đốt 90 độ Có tối thiểu 6 cổng để hút một cách hiệu quả Chiều dài 160mm ($\pm 5\%$), đường kính 3.75mm ($\pm 5\%$) Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại.		
76	25BV-VT-G4-64.3	Dây nước	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (4.8 m) ($\pm 5\%$). Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.	Cái	30
77	25BV-VT-G4-65	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo		Bộ	
78	25BV-VT-G4-65.1	Lưỡi cắt đốt cao tần	- Lưỡi cắt đốt dùng để cắt, đốt và cầm máu mô mềm. Lumen cắt lưu lượng cao được cung cấp từ một điện cực để cắt bỏ mô mềm và cầm máu. Phạm vi đầu dò rộng cung cấp khả năng đông máu trong các thủ thuật nội soi khớp vai, đầu gối, khớp nhỏ. - Độ gấp góc 90. - Đường kính 1.5 - 3.75mm. Chiều dài 160mm ($\pm 5\%$)	Cái	30
79	25BV-VT-G4-65.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	30
80	25BV-VT-G4-65.3	Lưỡi bào khớp các loại, các cỡ	Lưỡi bào cắt lọc mô xơ. Tối thiểu các đường kính: 3.5, 4.5, 5,5 mm. Lưỡi bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước. - Chiều dài làm việc 13cm ($\pm 5\%$) - Sử dụng cùng với tay bào có tốc độ vòng quay đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz.	Cái	30
81	25BV-VT-G4-65.4	Vít treo gân có thể tự điều chỉnh độ dài	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kĩ thuật All inside Nẹp bằng titanium, 4 lỗ có vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Kích thước thanh treo: 4x12mm Lực kéo 1840 Newton Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được	Cái	30
82	25BV-VT-G4-65.5	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử (UHMWPE), bề rộng chỉ 1.40 mm. Lực kéo 576,12 N/mm ²	Sợi	30
83	25BV-VT-	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo		Bộ	

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	G4-66				
84	25BV-VT-G4-66.1	Vít treo mảnh ghép gân kèm vòng treo điều chỉnh độ dài	Vật liệu: UHMWPE và titanium. Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân ngỗng (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB). Khả năng chịu lực tối đa $\geq 980N$. Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. Cho phép buộc lại trong trường hợp gân chưa đủ độ căng hoặc căng quá mức, không tạo khoảng chết trên xương đùi. Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền tích hợp sẵn. Nút khóa Titanium chiều rộng 12 mm ($\pm 5\%$), vòng buộc tối đa từ 11 đến 60 mm.	Cái	30
85	25BV-VT-G4-66.2	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học các cỡ	Vật liệu: biphasic calcium phosphate và PLDLA Kích thước: độ dài 23mm hoặc 28mm, đường kính tùy chọn các kích cỡ từ 6-12mm	Cái	30
86	25BV-VT-G4-66.3	Mũi khoan ngược	Lưỡi khoan nhiều chức năng trong một, vừa có chức năng dẫn đường, vừa có chức năng khoan tạo đường hầm. Cho phép tạo đường hầm xâm lấn tối thiểu từ trong ra ngoài. Ở trạng thái thẳng, lưỡi khoan được dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường Ở trạng thái mở lưỡi, lưỡi khoan được khoá lại và tạo đường hầm trong xương. Có tối thiểu 17 loại đường kính từ 5mm đến 13mm.	Bộ	30
87	25BV-VT-G4-66.4	Lưỡi bào khớp	Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm ($\pm 5\%$).	Cái	30
88	25BV-VT-G4-66.5	Đầu đốt	Vật liệu: Thân đầu đốt, điện cực được làm bằng thép không gỉ, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic hoặc tương đương Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực Đầu đốt 90 độ Có tối thiểu 6 cổng để hút một cách hiệu quả Chiều dài 160mm ($\pm 5\%$), đường kính 3.75mm ($\pm 5\%$) Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại.	Cái	30
89	25BV-VT-G4-66.6	Dây nước	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (4.8 m) ($\pm 5\%$). Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.	Cái	30
90	25BV-VT-G4-66.7	Chỉ	Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và	Cái	30

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			UHMWPE Chỉ dài 38inches ($\pm 5\%$) liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. Lực tải tối đa đạt 88lb.		
91	25BV-VT-G4-67	Bộ nội soi khâu chóp xoay khớp vai neo tự khóa chỉ		Bộ	
92	25BV-VT-G4-67.1	Lưỡi cắt đốt cao tần Bộ	- Cung cấp tốc độ cắt lớn, có nhiều lỗ hút nước ra - Độ gập góc 30, 45, 70, 91	Cái	5
93	25BV-VT-G4-67.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước sử dụng cho mổ nội soi khớp. Vật liệu: nhựa điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	5
94	25BV-VT-G4-67.3	Lưỡi bào khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Tối thiểu các đường kính: 3.5, 4.5, 5,5 mm. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông. có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước	Cái	5
95	25BV-VT-G4-67.4	Vít nội soi bằng vật liệu PEEK cố định chóp xoay	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp. Có các loại đường kính: 3.5, 4.5mm Vít neo hai thành phần đầu neo và thân neo tự khóa chỉ. Trục vít rộng. Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng. Chất liệu PEEK, kèm chỉ siêu bền UHMWPE	Cái	20
96	25BV-VT-G4-67.5	Trocar chuyên dụng trong nội soi khớp	Thiết kế có rãnh xoắn, kiểm soát dòng chảy với khóa kín, ống canulla trong suốt. Chất liệu: nhựa Công vào chất lỏng điều chỉnh được, đường kính 0.6 mm, đường kính canulla: 6.5 mm/ 8.0 mm	Cái	5
97	25BV-VT-G4-68	Bộ nội soi khâu sụn viền khớp vai neo tự khóa chỉ		Bộ	
98	25BV-VT-G4-68.1	Lưỡi cắt đốt cao tần	Lưỡi cắt đốt cao tần - Có nhiều lỗ hút nước ra - Độ gập góc 30, 45, 70, 91	Cái	5
99	25BV-VT-G4-68.2	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây sử dụng cho máy bơm nước. Vật liệu: nhựa điều khiển được dòng nước: tốc độ và áp lực dòng chảy. Sử dụng với máy bơm nước có áp lực đến 200 mmHg, lưu lượng bơm đến 2 L/phút	Cái	5
100	25BV-VT-G4-68.3	Lưỡi bào khớp các loại, các cỡ	Cửa sổ bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 3.5, 4.5, 5,5 mm. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài.	Cái	5

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			có thể xoay 360 độ qua cần gạt phía trước.		
101	25BV-VT-G4-68.4	Vít neo cổ định sụn viền	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp. Đường kính: 2.9mm ($\pm 5\%$) Vít neo hai thành phần đầu neo và thân neo tự khóa chỉ. Trục vít thiết kế rỗng. Vít neo được kết nối sẵn với tay đóng. Chất liệu PEEK, kèm chỉ siêu bền UHMWPE	Cái	10
102	25BV-VT-G4-68.5	Trocar chuyên dụng trong nội soi khớp	Thiết kế có rãnh xoắn, kiểm soát dòng chảy với khóa kín, ống canulla trong suốt giúp quan sát được. Chất liệu: nhựa Cổng vào chất lỏng điều chỉnh được, đường kính 0.6 mm ($\pm 5\%$), đường kính canulla: 6.5 mm/ 8.0 mm	Cái	5
103	25BV-VT-G4-69	Bộ nội soi khớp vai khâu chóp xoay hai hàng không nút thắt		Bộ	
104	25BV-VT-G4-69.1	Vít neo kèm chỉ dẹt	Vật liệu: Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Kèm vòng chỉ dẹt, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo để khâu các mô mềm, gân, dây chằng. Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm	Cái	20
105	25BV-VT-G4-69.2	Vít neo kèm chỉ, khâu chóp xoay	Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học Thiết kế các lỗ thông Kích thước: có 3 kích cỡ (đường kính 3.9mm, 4.75mm, 5.5mm) và chiều dài tương ứng là 17.9mm, 19.1mm, 22mm	Cái	20
106	25BV-VT-G4-69.3	Đầu đốt	Vật liệu: Thân đầu đốt, điện cực được làm bằng thép không gỉ, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic hoặc tương đương Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực Đầu đốt 90 độ Có tối thiểu 6 cổng để hút một cách hiệu quả Chiều dài 160mm ($\pm 5\%$), đường kính 3.75mm ($\pm 5\%$) Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại.	Cái	10
107	25BV-VT-G4-69.4	Lưỡi bào khớp	Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm ($\pm 5\%$).	Cái	10
108	25BV-VT-G4-69.5	Lưỡi mài khớp	Đầu mài dạng Oval có tối thiểu 8 rãnh răng Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ Đường kính 4 mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài làm việc 130mm ($\pm 5\%$)	Cái	10

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kĩ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
109	25BV-VT-G4-69.6	Cây đẩy chỉ	Là dụng cụ dùng với súng bắn chỉ Có đầu trước chắc chắn Vừa vận với trocar nhỏ 6 mm Sử dụng được với mô dày 16 mm	Cái	5
110	25BV-VT-G4-69.7	Trocar nội soi khớp vai	Ổng troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. Kích cỡ 6mm I.D. x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8.25mm x 7cm	Cái	5
111	25BV-VT-G4-69.8	Dây nước	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (4.8 m) ($\pm 5\%$) Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.	Cái	5
112	25BV-VT-G4-70	Bộ nội soi khớp vai khâu sụn viền không nút thắt		Bộ	
113	25BV-VT-G4-70.1	Vít neo kèm chỉ	Chất liệu BioComposite, kích thước 2.9 mm x 12.5 mm Sử dụng kỹ thuật không nút thắt Vít neo giúp chỉ khâu mô một cách độc lập trước khi cấy ghép	Cái	15
114	25BV-VT-G4-70.4	Chỉ dẹt siêu bền dùng cho khâu sụn viền	Chỉ siêu sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE Chỉ dẹt 2mm, Chiều dài sử dụng 91 cm (36 inch) ($\pm 5\%$)	Cái	5
115	25BV-VT-G4-70.5	Đầu đốt	Vật liệu: Thân đầu đốt, điện cực được làm bằng thép không rỉ, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic hoặc tương đương Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực Đầu đốt 90 độ Có tối thiểu 6 cổng để hút một cách hiệu quả Chiều dài 160mm ($\pm 5\%$), đường kính 3.75mm ($\pm 5\%$) Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại.	Cái	5
116	25BV-VT-G4-70.6	Lưới bào khớp	Vật liệu: Đầu lưới bào bằng hợp kim không gỉ Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm ($\pm 5\%$).	Cái	5
117	25BV-VT-G4-70.7	Cây móc chỉ nội soi khâu sụn viền	Kích thước: 275 x 16 mm Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không rỉ và dây luồn bằng nitinol Có các loại cán đẩy chỉ cong trái 45 độ, phải 45 độ, trái 90 và phải 90 độ	Cái	5
118	25BV-VT-G4-70.8	Trocar nội soi khớp vai	Ổng troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. Kích cỡ 6mm I.D. x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8.25mm x 7cm	Cái	5

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
119	25BV-VT-G4-70.9	Dây nước	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (4.8 m) ($\pm 5\%$) Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây.	Cái	5
120	25BV-VT-G4-71	Dao cắt cơ vòng	Dao cắt cơ vòng hình vòng cung hướng 11h-12h, có 3 kênh riêng biệt. Chiều dài làm việc $\geq 1700\text{mm}$. Tương tích với kênh làm việc $\geq 2.8\text{mm}$ Đường kính đầu cuối 4.5Fr. Chiều dài phần đầu cuối: 7mm. Chiều dài dao cắt: 25mm.	cái	5
121	25BV-VT-G4-72	Dao cắt cơ vòng	Dao cắt kim, loại 3 kênh riêng biệt (cho dây guidewire, dây điều khiển dao và kênh bơm cân quang) Chiều dài phần kim không có lớp bao phủ $\leq 3\text{mm}$. Đầu trơn và uốn cong, có đánh dấu cân, đường kính 5Fr. Chiều dài làm việc $\geq 1700\text{mm}$. Tương tích với kênh làm việc $\geq 2.8\text{mm}$ Đường kính kim $\geq 0.2\text{mm}$.	cái	2
122	25BV-VT-G4-73	Dây dẫn hướng đường mật	Dây dẫn đường có 2 loại: hình dạng đầu cuối dạng đầu thẳng hoặc đầu cong Chất liệu lõi: niken-titan hoặc tương đương. Chiều dài làm việc: $\geq 4500\text{mm}$ Chiều dài lớp phủ ưa nước: $\geq 70\text{mm}$ Có tối thiểu 2 loại 0.025" và 0.035" Có lớp phủ Fluorine (lớp phủ cân quang).	cái	15
123	25BV-VT-G4-74	Bóng kéo sỏi đường mật	Bóng kéo sỏi, có 2 dải cân quang ở đầu và cuối bóng, có 3 kênh (kênh guidewire, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cân quang). Chất liệu bóng: nhựa latex Đường kính bơm bóng: có thể lựa chọn tối thiểu các loại 8,5-11,5-15mm hay 15-18-20mm Vị trí ra thuốc cân quang: có thể lựa chọn ra phía trên hoặc phía dưới bóng Tương thích guidewire: có tối thiểu 2 loại: guidewire đi trong lòng dụng cụ hoặc guidewire kết nối ở đầu cuối dụng cụ Phù hợp kênh làm việc đường kính 2,8mm hoặc 3,2mm. Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$ Đường kính đầu cuối 5,5Fr.	cái	5
124	25BV-VT-G4-75	Bóng nong đường mật	Bóng nong loại lồng sẵn dây dẫn hướng 0,035", cạnh bóng tròn, chất liệu nylon trong suốt. Có đánh dấu cân quang ở đầu cuối bóng, đánh dấu ở giữa bóng. Chiều dài làm việc: $\geq 2400\text{mm}$ Kênh làm việc tối thiểu: $\geq 2,8\text{mm}$	cái	10

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
			Chiều dài bóng: 55mm/65mm. Có thể bơm được tối thiểu các đường kính bóng: 6-7-8mm/ 8,5-9,5-10,5mm / 11-12-13mm/ 13,5-14,5-15,5mm/ 16-17-18mm/ 18-19-20mm		
125	25BV-VT-G4-76	Rọ lấy sỏi	Phù hợp với kênh dụng cụ tối thiểu: 2,8mm hoặc 3,7mm Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$ Đường kính của rọ: $\geq 20\text{mm}$ Thiết kế rọ 4 dây hoặc 8 dây, đầu rọ hình viên đạn, tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang. Loại xoay được hoặc tương thích với dây dẫn hướng 0,035inch.	cái	5
126	25BV-VT-G4-77	Ổng thông đường mật dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng	Kênh làm việc tối thiểu: $\geq 2,2\text{mm}$ Chiều dài làm việc: $\geq 1700\text{mm}$ Đường kính đầu tip có tối thiểu các cỡ: 2,5 Fr/3,5Fr/4 Fr/4,5 Fr/6 Fr Tương thích dây dẫn hướng: 0,035"/0,025" Hình dạng đầu tip có các loại: đầu thon ngắn, đầu thon dài, tiêu chuẩn, dạng thon, dạng tròn, đầu tròn kim loại. Hiện thị rõ dưới tia X.	cái	5
127	25BV-VT-G4-78	Stent dẫn lưu mật, tụy các cỡ	Stent đường mật có các loại: loại thẳng; loại pigtails Chất liệu nhựa Ethylene Vinyl Acetate, mềm hoặc tương đương. Đầu có vạt và lỗ bên để giữ stent không bị trôi và chống tắc stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X. Đường kính stent tối thiểu các cỡ 7Fr/8.5Fr/10Fr. Tương thích với kênh sinh thiết $\geq 2,8\text{mm}$. Chiều dài stent: 5cm/7cm/ 9cm/12cm	cái	20
128	25BV-VT-G4-79	Bộ tán sỏi cơ học (Chủ động)	Bộ tán sỏi cơ học gồm rọ rán (loại dùng 1 lần) và tay cầm (loại dùng nhiều lần) - Rọ tán: Chiều dài làm việc: 1900mm, loại xoay được hoặc tương thích với dây dẫn hướng, độ mở rọ 30mm. Tương thích với kênh làm việc tối thiểu 3.2mm. - Tay cầm: tương thích với rọ sỏi cho chức năng xoay được. Xuất xứ các nước G7	Bộ	1
129	25BV-VT-G4-80	Bộ đẩy Stent	Bộ đẩy stent, đầu cuối có cản quang. Kênh dụng cụ tối thiểu: $\geq 2.8\text{mm}$. Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$	cái	4
		Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			
130	25BV-VT-	Ổng khuếch đại	Ổng khuếch đại Phù hợp để sử dụng trên hệ thống xét nghiệm Nat S 201	Cái	12.096

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	G4-81		- Roche		
131	25BV-VT-G4-82	Chén đựng mẫu xét nghiệm và que khuấy	Thành phần: nhựa y tế, tráng collagen mặt trong của cup và pin	Cái	4.000
132	25BV-VT-G4-83	Bộ đếm loại 1000 lần	- Bộ đếm mỗi nối dùng cho máy nối dây vô trùng - Chứa 1000 lần nối - Độ dày thành dây có thể sử dụng trên máy hàn: trong khoảng 0.5 đến 0.9mm - Đường kính dây: + Đường kính ngoài: trong khoảng 3.9 đến 4.6mm + Đường kính trong : trong khoảng 2.8 đến 3.1mm - Thời gian nối dây: 20 giây - Yêu cầu độ dài ống dây khi nối: độ dài ống dây tối thiểu là 10cm - Hàn nhiệt không tiếp xúc và không sử dụng vật liệu đệm	Bộ	10
133	25BV-VT-G4-84	Đầu nối thẳng dẫn lưu	Đầu nối thẳng dẫn lưu y tế	Cái	6.000
134	25BV-VT-G4-85	Sonde chữ T	- Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon - Được sử dụng để thông túi mật. - Kích cỡ: Fr10-Fr26.	Cái	500
135	25BV-VT-G4-86	Túi bọc máy vi phẫu	Túi bọc máy vi phẫu, kích thước 110x160cm	Cái	300
136	25BV-VT-G4-87	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	- Chất liệu filter: Polypropylene - Đường kính trong đầu cắm vào máy: 45.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 48 mm - Trở kháng: 12 pa tại 30 lít / phút - Hiệu quả lọc khuẩn: 99.99%	Cái	3.500
137	25BV-VT-G4-88	Điện cực dùng 1 lần cho máy điện cơ	- Loại điện cực dán dùng 1 lần - Tương thích với máy điện cơ Nihon Kohden - 1 gói điện cực bao gồm: 2 điện cực ghi, 1 điện cực đất	Cái	100
138	25BV-VT-G4-89	Ống đựng dịch phế quản 2 vôi	Chất liệu: thủy tinh, trong suốt - Đường kính ống chính 28mm, dài 9cm - Có 2 vôi đường kính 6mm	Cái	2.000
139	25BV-VT-G4-90	Ống thở	Ống thở dùng cho máy đo chức năng hô hấp chất liệu giấy, đường kính 24mm cao 75mm	Cái	2.000
140	25BV-VT-G4-91	Băng đựng hydrogen peroxyd	- Băng đựng hóa chất H2O2 tương thích khi dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD NX - Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 58%	Băng	100

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
141	25BV-VT-G4-92	Clip kẹp mạch máu chất liệu Polymer các cỡ	- Chất liệu polymer không tiêu, không dẫn điện, dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang - Cơ chế gấp mở linh hoạt, kẹp được mạch máu từ 2-16mm, đi qua trocar 5mm và 10mm.	Cái	700
142	25BV-VT-G4-93	Dịch nhầy phẫu thuật	Dịch nhầy Hydroxypropyl Methylcellulose (HPMC) - Nồng độ (độ cô đặc) 2% - Độ nhầy: 3000-5600 cPs - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/Kg - Độ PH: 6.0 - 7.8 - Dung tích: 2ml trong syringe với kim bơm 23G vô trùng	ống	150
143	25BV-VT-G4-94	Huyết áp kế đồng hồ	- 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 dải băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm - 01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm - 01 túi đựng giả da	Cái	100
144	25BV-VT-G4-95	Mũ phẫu thuật vô trùng	Mũ phẫu thuật đóng gói vô trùng từng cái một riêng lẻ	Cái	10.000
145	25BV-VT-G4-96	Đĩa Petri nhựa	Chất liệu nhựa PS trong suốt. Đường kính 90mm. Chiều cao 15mm.	Cái	10.000
146	25BV-VT-G4-97	Nhiệt kế	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể	cái	500
147	25BV-VT-G4-98	Mask thanh quản silicon	1. Chất liệu: Silicone y tế 2. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ từ số 1,0-5,0 tương ứng cân nặng từ <5kg đến > 70kg 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Mask thanh quản 1 nòng, bóng silicone mềm.	Cái	50
148	25BV-VT-G4-99	Ống nội khí quản Carlen các số	Sử dụng trong trường hợp thông khí 1 phổi, - Ống có 2 nòng, có bóng và được làm bằng nhựa dẻo. - Tối thiểu 9 kích cỡ ống từ Fr26 đến Fr41	Cái	50
149	25BV-VT-G4-100	Cassette (lỗ nhỏ)	- Cassette bằng nhựa, loại lỗ nhỏ hình vuông, màu trắng. - Cassette được thiết kế đặc biệt để giữ mẫu bệnh phẩm trong quá trình xử lý mô và vùi mô, cũng như trong tủ lưu trữ. - Phân ghi tên nghiêng góc 30 - 45 độ để làm cho bang cassette phù hợp hơn để sử dụng với một số loại dụng cụ dán nhãn cassette. - Mỗi cassette có một nắp có thể bẻ ra, xoay hoặc khóa lại.	Cái	10.000

STT	Mã bệnh viện VTXN, TBYT	Tên VTXN, TBYT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
150	25BV-VT- G4-101	Cassette (lỗ to)	- Cassette bằng nhựa, loại lỗ to hình chữ nhật, màu trắng. - Cassette được thiết kế đặc biệt để giữ mẫu bệnh phẩm trong quá trình xử lý mô và vùi mô, cũng như trong tủ lưu trữ. - Phân ghi tên nghiêng góc 30 - 45 độ để làm cho băng cassette phù hợp hơn để sử dụng với một số loại dụng cụ dán nhãn cassette. - Mỗi cassette có một nắp có thể bẻ ra, xoay hoặc khóa lại.	Cái	10.000
151	25BV-VT- G4-102	Dao cắt tiêu bản 1 lần	Lưỡi dao cắt có tính nhất quán cao, độ bền tốt	Cái	600
152	25BV-VT- G4-103	Giấy lọc	Giấy lọc 60x60cm. Dùng trong thí nghiệm để lọc dung môi và chất lỏng	Tờ	1.000
153	25BV-VT- G4-104	Bát kê 10x6 cm	Chất liệu thép không gỉ	Cái	100
154	25BV-VT- G4-105	Đầu dò mô Amidan và nạo V.A	Đầu Evac mô amidan và nạo VA dùng cho máy Coblator II. Đầu thẳng, có thể uốn cong, chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm) Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút	Cái	20